

Số: /SVHTTDL-VP
V/v triển khai thực hiện Nghị định số
154/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026, Nghị định
số 155/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026, Nghị
định số 156/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 và
Nghị định số 197/2026/NĐ-CP của Chính phủ

Lai Châu, ngày tháng 8 năm 2026

Kính gửi: Các phòng, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở.

Để kịp thời cập nhật, triển khai các điểm mới về lĩnh vực tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo trên cơ sở căn cứ các Nghị định số 154/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tiếp công dân; Nghị định số 155/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 124/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại; Nghị định số 156/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2019/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo; Nghị định số 197/2026/NĐ-CP ngày 03/6/2026 của Chính phủ Quy định cơ sở dữ liệu Quốc gia về tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo văn bản hướng dẫn số 1895/TTr-ĐB1 ngày 13/7/2026 của Thanh tra tỉnh Lai Châu. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch yêu cầu Trưởng các phòng, đơn vị sự nghiệp trực thuộc tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các Nghị định đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân trên địa bàn, trọng tâm một số nội dung như sau:

1. Đối với Nghị định số 154/2026/NĐ-CP:

Nghị định này thay thế Nghị định số 64/2014/NĐ-CP, ngày 26/6/2014 của Chính phủ, quy định một số điểm mới, gồm:

1.1. Các trường hợp được từ chối tiếp công dân:

Theo quy định tại Điều 4 của Nghị định, ngoài những trường hợp đã được quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 9 Luật Tiếp công dân việc từ chối còn được áp dụng với các trường hợp sau:

- Người mang theo vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ hoặc các vật dụng, chất nguy hiểm khác theo quy định của pháp luật mà không chấp hành yêu cầu gửi tại nơi quy định hoặc giao nộp cho bộ phận bảo đảm an ninh, trật tự;

- Người không chấp hành việc kiểm tra an ninh theo quy định;

- Người tự ý ghi âm, ghi hình, phát trực tiếp tại nơi tiếp công dân trong trường hợp người chủ trì tiếp công dân đã yêu cầu không ghi âm, ghi hình, phát trực tiếp để bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật đời tư, dữ liệu cá nhân, bảo vệ người tố cáo theo quy định của pháp luật hoặc tự ý ghi âm, ghi hình, phát trực tiếp gây ảnh hưởng đến an ninh, trật tự tại nơi tiếp công dân;

- Người có hành vi kích động, lôi kéo, gây rối trật tự công cộng tại nơi tiếp công dân;
- Người không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ mà không có người đại diện hợp pháp;
- Người đại diện, người được ủy quyền thực hiện khiếu nại, kiến nghị, phản ánh nhưng không xuất trình được giấy tờ chứng minh tư cách đại diện hợp pháp theo quy định của pháp luật;
- Nội dung trình bày không thuộc phạm vi khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh theo quy định của pháp luật về tiếp công dân;
- Người kiến nghị, phản ánh về vụ việc đã được cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có thẩm quyền tiếp, hướng dẫn hoặc trả lời bằng văn bản theo đúng quy định và không có nội dung, tình tiết mới;
- Vụ việc đã có bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật và không thuộc trường hợp được xem xét lại theo quy định của pháp luật. Việc xác định vụ việc không thuộc trường hợp được xem xét lại phải căn cứ vào văn bản trả lời của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- Vụ việc đang được cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền khác thụ lý, giải quyết theo trình tự, thủ tục luật định.

1.2. Tiếp công dân trực tuyến:

Việc tiếp công dân trực tuyến được quy định từ điều 15 đến điều 24 Chương V, cụ thể:

- Về nơi tổ chức tiếp công dân trực tuyến, theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 19 Nghị định quy định:

+ Trụ sở Tiếp công dân Trung ương là nơi tổ chức tiếp công dân trực tuyến đối với các vụ việc phức tạp lên Trung ương, cần sự phối hợp của các cơ quan Trung ương và địa phương. Tổ chức tiếp công dân định kỳ, đột xuất của lãnh đạo Trung ương Đảng, Lãnh đạo Quốc hội, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội, Lãnh đạo Chính phủ và Lãnh đạo Thanh tra Chính phủ.

+ Trụ sở tiếp công dân cấp tỉnh, địa điểm tiếp công dân của bộ, cơ quan ngang bộ và các cơ quan, đơn vị, địa phương là nơi tổ chức tiếp công dân trực tuyến đối với các vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan, đơn vị, địa phương; tổ chức tiếp công dân định kỳ, đột xuất của lãnh đạo bộ, cơ quan ngang bộ, lãnh đạo cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Các vụ việc thực hiện tiếp công dân trực tuyến: Điều 20, Nghị định 154/2026/NĐ-CP, quy định: Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định tổ chức tiếp công dân trực tuyến đối với các vụ việc sau:

+ Vụ việc khiếu nại, kiến nghị, phản ánh có tính chất phức tạp, kéo dài, cần sự phối hợp giải quyết của nhiều cơ quan, tổ chức hoặc cần sự chỉ đạo, đối thoại trực tiếp của lãnh đạo cơ quan ở các địa điểm khác nhau.

+ Vụ việc mà người khiếu nại, kiến nghị, phản ánh cư trú tại vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc thuộc đối tượng chính sách, người già yếu, người khuyết tật có nguyện vọng tiếp trực tuyến.

+ Vụ việc phát sinh trong các tình huống thiên tai, dịch bệnh hoặc vì lý do an ninh, trật tự xã hội mà việc tiếp công dân trực tiếp gặp khó khăn.

+ Vụ việc tố cáo phức tạp mà người tố cáo không yêu cầu bảo vệ danh tính và những thông tin cá nhân của mình và cơ quan tiếp công dân đảm bảo được các điều kiện về bảo mật theo quy định của pháp luật.

+ Các vụ việc khác theo yêu cầu thực tiễn.

1.3. Quy định tiếp công dân tại các đơn vị sự nghiệp

Tại Điều 9, Điều 10, Điều 11 của Nghị định nêu rõ việc tiếp công dân tại đơn vị sự nghiệp công lập: theo đó, đơn vị sự nghiệp công lập liên quan đến việc giải quyết chế độ, chính sách, quyền lợi của công dân, tổ chức phải tổ chức tiếp công dân. Người đứng đầu đơn vị có trách nhiệm bố trí viên chức làm nhiệm vụ tiếp công dân thường xuyên. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập phải trực tiếp thực hiện việc tiếp công dân ít nhất 01 ngày trong 01 tháng tại địa điểm tiếp công dân và thực hiện tiếp đột xuất trong các vụ việc phức tạp, gay gắt có nguy cơ gây hậu quả nghiêm trọng.

Tại địa điểm tiếp công dân phải niêm yết nội quy, hướng dẫn quy trình, lịch tiếp công dân của người đứng đầu và công khai thông tin này trên trang thông tin điện tử của đơn vị (nếu có).

1.4. Đảm bảo chế độ, chính sách đối với người tiếp công dân: Điều 36 quy định chính sách, chế độ đối với người tiếp công dân: Người tiếp công dân được hưởng các chế độ: Chế độ bồi dưỡng theo quy định của Nghị định và pháp luật có liên quan; được bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ tiếp công dân; riêng đối với công chức tiếp công dân thường xuyên tại Trụ sở tiếp công dân tỉnh được hưởng chế độ trang phục tiếp công dân.

1.5. Quy định về xử lý kỷ luật vi phạm Điều 41 và Điều 42 Nghị định quy định rõ 3 mức độ xử lý kỷ luật đối với cán bộ tiếp dân và người đứng đầu cơ quan vi phạm:

- Hình thức Khiển trách: Đối với người tiếp dân: Áp dụng khi gây phiền hà, sách nhiễu, cản trở công dân; từ chối tiếp trái luật; xúc phạm công dân; không ghi chép nội dung hoặc không tham mưu văn bản thông báo kết quả xử lý cho công dân. Đối với người đứng đầu: Áp dụng khi không ban hành nội quy, quy chế tiếp công dân; gây phiền hà, từ chối tiếp trái luật; có hành vi thiếu chuân mực với dân; không chỉ đạo thông báo kết quả xử lý cho công dân.

- Hình thức Cảnh cáo: Áp dụng khi có từ 02 hành vi vi phạm ở mức khiển trách hoặc đã bị xử lý khiển trách mà tái phạm; làm mất hoặc làm sai lệch thông tin tài liệu do người dân cung cấp; không tổ chức tiếp công dân theo quy định dẫn đến hậu quả gây mất trật tự công cộng. Đối với người đứng đầu: Không đảm bảo

cơ sở vật chất, không phân công người tiếp dân thường xuyên, hoặc không phối hợp chặt chẽ giải quyết vụ việc đông người.

- Hình thức Cách chức hoặc Bãi nhiệm: Áp dụng khi đã bị xử lý kỷ luật cảnh cáo mà còn tái phạm. Không xử lý đơn sau 45 ngày, kể từ ngày tiếp nhận đơn mà không có lý do chính đáng. Không tiếp công dân định kỳ, đột xuất hoặc làm mất, sai lệch tài liệu do dân cung cấp gây ra hậu quả nghiêm trọng về an ninh chính trị, trật tự xã hội hoặc gây hậu quả chết người.

2. Nghị định số 155/2026/NĐ-CP:

Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 124/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại, cụ thể như sau:

2.1. Bổ sung Điều 3a vào sau Điều 3 Nghị định 124/2020/NĐ-CP, quy định trường hợp được xác định vụ việc phức tạp trong giải quyết khiếu nại:

- Khiếu nại về một nội dung nhưng phải xác minh từ hai địa điểm trở lên;
- Khiếu nại có từ 02 nội dung phải xác minh trở lên;
- Nhiều người khiếu nại về cùng một nội dung hoặc nội dung khiếu nại liên quan đến quyền và lợi ích của nhiều người;
- Vụ việc liên quan đến người nước ngoài, người đang ở nước ngoài hoặc có yếu tố nước ngoài;
- Nội dung khiếu nại liên quan trách nhiệm quản lý của nhiều cơ quan, tổ chức;
- Các cơ quan, tổ chức có liên quan trong quá trình giải quyết khiếu nại còn ý kiến khác nhau;
- Có tài liệu, chứng cứ mâu thuẫn với nhau cần có thời gian kiểm tra, xác minh, đánh giá hoặc tham khảo ý kiến của các cơ quan chuyên môn.

2.2. Bổ sung Điều 7a vào sau Điều 7, Nghị định 124/2020/NĐ-CP, quy định về rút khiếu nại trong trường hợp nhiều người cùng khiếu nại về một nội dung:

- Trường hợp nhiều người cùng khiếu nại về một nội dung mà có một hoặc một số người khiếu nại rút khiếu nại thì việc giải quyết khiếu nại vẫn được tiếp tục đối với những người khiếu nại còn lại; người khiếu nại đã rút khiếu nại không được tiếp tục thực hiện quyền, nghĩa vụ của người khiếu nại quy định tại Điều 12 Luật Khiếu nại.

- Trường hợp nhiều người cùng khiếu nại mà toàn bộ người khiếu nại rút khiếu nại thì người giải quyết khiếu nại ban hành quyết định đình chỉ giải quyết khiếu nại.

2.3. Quy định trách nhiệm và kỷ luật cán bộ trong xử lý khiếu nại

Nghị định 155/2026/NĐ-CP đã sửa đổi, bổ sung các quy định tại Điều 40, Điều 41 Nghị định số 124/2020/NĐ-CP nhằm chi tiết hóa các hình thức xử lý kỷ

luật đối với người xác minh và người giải quyết khiếu nại. Theo đó, quy định cụ thể 4 hình thức kỷ luật (*khiển trách, cảnh cáo, cách chức, buộc thôi việc*) cho các hành vi như: sách nhiễu, bao che người bị khiếu nại, đe dọa trả thù, cố ý làm sai lệch hồ sơ hoặc không thụ lý vụ việc đủ điều kiện thụ lý... Đồng thời, bổ sung Điều 41a vào sau Điều 41 Nghị định số 124/2020/NĐ-CP để xử lý kỷ luật cả những người không trực tiếp giải quyết nhưng có hành vi can thiệp trái pháp luật vào quá trình khiếu nại.

3. Nghị định số 156/2026/NĐ-CP:

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2019/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo, cụ thể như sau:

3.1. Quy định về rút tố cáo: Điều 1 Nghị định số 156/2026/NĐ-CP (*sửa đổi Điều 4 Nghị định 31/2019/NĐ-CP*) quy định chặt chẽ hơn về việc rút tố cáo; bổ sung trách nhiệm xác minh khi người tố cáo rút tố cáo:

- Đơn rút tố cáo phải ghi rõ ngày, tháng, năm, họ và tên, địa chỉ của người tố cáo rút tố cáo, cách thức liên hệ, nội dung tố cáo được rút, có chữ ký hoặc điểm chỉ của người tố cáo rút tố cáo và được thực hiện theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

- Biên bản ghi nhận ý kiến rút tố cáo do người giải quyết tố cáo hoặc người kiểm tra, xác minh thông tin về người tố cáo và điều kiện thụ lý tố cáo hoặc người xác minh nội dung tố cáo hoặc người tiếp nhận rút tố cáo lập khi làm việc với người tố cáo rút tố cáo. Biên bản ghi nhận ý kiến rút tố cáo phải có chữ ký hoặc điểm chỉ của người tố cáo rút tố cáo và được thực hiện theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

- Trường hợp nhiều người cùng tố cáo mà có một hoặc một số hoặc tất cả người tố cáo rút tố cáo thì việc rút tố cáo thực hiện theo quy định trên.

- Trường hợp người tố cáo rút tố cáo thì người giải quyết tố cáo vẫn phải tiếp tục giải quyết tố cáo nếu qua xem xét hồ sơ, tài liệu, thông tin đã thu thập được nhận thấy vụ việc có một trong các căn cứ sau:

- + Hành vi bị tố cáo có dấu hiệu vi phạm pháp luật

- + Có căn cứ xác định việc rút tố cáo được thực hiện do người tố cáo bị đe dọa, ép buộc, mua chuộc;

- + Có căn cứ xác định người tố cáo đã lợi dụng việc tố cáo để vu khống, xúc phạm, gây thiệt hại cho người bị tố cáo.

- Khi giải quyết tố cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 33 Luật Tố cáo, người giải quyết tố cáo áp dụng biện pháp theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền áp dụng biện pháp bảo vệ người tố cáo theo quy định của pháp luật; xử lý người có hành vi đe dọa, mua chuộc người tố cáo hoặc người lợi dụng việc tố cáo để vu khống, xúc phạm, gây thiệt hại cho người bị tố cáo theo quy định của pháp luật.

3.2. Bổ sung Điều 19a vào sau Điều 19 Nghị sinh số 31/2029/NĐ-CP của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giải quyết tố cáo vào sau Điều 19 quy định trình tự, thủ tục giải quyết tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ có nội dung rõ ràng, chứng cứ cụ thể, có cơ sở để xử lý ngay, như sau:

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số để cập nhật, theo dõi, quản lý, lưu trữ, kết nối, chia sẻ dữ liệu giải quyết tố cáo theo quy định của pháp luật.

- Thông tin, dữ liệu về quá trình xử lý, giải quyết tố cáo được cập nhật kịp thời trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giải quyết tố cáo phải bảo đảm tính công khai, minh bạch, bảo đảm an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân và tuân thủ các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước.

3.3. Nghị định sửa đổi, bổ sung Điều 21 Nghị sinh số 31/2029/NĐ-CP quy định nguyên tắc xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm pháp luật về tố cáo, như sau:

- Người giải quyết tố cáo, người xác minh nội dung tố cáo, người tiếp nhận tố cáo và người tố cáo là cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm pháp luật về tố cáo thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật và quy định ở dưới (Điều 22, Điều 23 Nghị định này) hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự. Trường hợp gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

- Nguyên tắc, thẩm quyền, trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật và quy định khác có liên quan được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức.

3.4. Nghị định sửa đổi, bổ sung Điều 22 Nghị sinh số 31/2029/NĐ-CP về xử lý kỷ luật đối với người giải quyết tố cáo, người xác minh nội dung tố cáo, người tiếp nhận tố cáo như sau:

- Hình thức kỷ luật khiển trách áp dụng đối với người giải quyết tố cáo, người xác minh nội dung tố cáo, người tiếp nhận tố cáo khi có một trong các hành vi sau: Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ trách nhiệm bảo vệ người tố cáo dẫn đến việc người tố cáo bị trả thù, trù dập, trù trường hợp quy định tại điểm b mục 3 và điểm d mục 4 ở dưới; cản trở, gây khó khăn, phiền hà cho người tố cáo; thiếu trách nhiệm trong việc giải quyết tố cáo; bao che cho người bị tố cáo, trù trường hợp quy định tại điểm c mục 4.

- Hình thức kỷ luật cảnh cáo áp dụng đối với người giải quyết tố cáo, người xác minh nội dung tố cáo, người tiếp nhận tố cáo khi có một trong các hành vi sau: Đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức khiển trách theo quy định tại mục 1 ở trên mà tái phạm; tiết lộ họ tên, địa chỉ, bút tích của người tố cáo và những thông tin khác làm lộ danh tính của người tố cáo, trù trường hợp người tố cáo từ chối biện

pháp bảo vệ bí mật thông tin; cố ý không thụ lý tố cáo, không ban hành kết luận nội dung tố cáo; không quyết định xử lý tố cáo theo thẩm quyền hoặc không kiến nghị người có thẩm quyền xử lý tố cáo; lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong việc giải quyết tố cáo để thực hiện hành vi trái pháp luật; đe dọa, mua chuộc, trả thù, trù dập, xúc phạm người tố cáo; không áp dụng biện pháp bảo vệ người tố cáo thuộc thẩm quyền dẫn đến việc người tố cáo bị trả thù, trù dập gây thương tích hoặc tổn hại sức khỏe với tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến dưới 61%, trừ trường hợp quy định tại điểm b mục 3 ở dưới.

- Hình thức kỷ luật cách chức áp dụng đối với người giải quyết tố cáo, người xác minh nội dung tố cáo, người tiếp nhận tố cáo giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý khi có một trong các hành vi sau: Đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo theo quy định tại mục 2 ở trên mà tái phạm; không áp dụng biện pháp bảo vệ người tố cáo thuộc thẩm quyền dẫn đến việc người tố cáo bị trả thù, trù dập gây thương tích hoặc tổn hại sức khỏe với tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến dưới 61%.

- Hình thức kỷ luật buộc thôi việc hoặc bãi nhiệm áp dụng đối với người giải quyết tố cáo, người xác minh nội dung tố cáo, người tiếp nhận tố cáo khi có một trong các hành vi sau: Đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức cách chức đối với công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý hoặc cảnh cáo đối với công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý mà tái phạm; cố ý không giải quyết hoặc cố ý giải quyết tố cáo trái pháp luật gây mất ổn định, an ninh, trật tự xã hội; cố ý bỏ qua các bằng chứng, bỏ lọt các thông tin, tài liệu hoặc làm mất, làm sai lệch hồ sơ, tài liệu vụ việc tố cáo trong quá trình giải quyết tố cáo, dẫn đến xác định sai hành vi vi phạm, mức độ vi phạm của người bị tố cáo theo hướng giảm nhẹ hoặc loại trừ trách nhiệm; bao che cho người bị tố cáo gây mất ổn định, an ninh, trật tự xã hội; không áp dụng biện pháp bảo vệ người tố cáo thuộc thẩm quyền làm cho người tố cáo bị trả thù, trù dập dẫn đến thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe với tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên hoặc bị chết.

3.5. Nghị định sửa đổi, bổ sung Điều 23 Nghị sinh số 31/2029/NĐ-CP về xử lý kỷ luật đối với người tố cáo là cán bộ, công chức, viên chức như sau:

- Hình thức kỷ luật khiển trách áp dụng đối với người tố cáo khi có một trong các hành vi sau: Biết rõ việc tố cáo là không đúng sự thật nhưng vẫn tố cáo; biết vụ việc đã được cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết đúng chính sách, pháp luật nhưng vẫn tố cáo mà không có bằng chứng chứng minh nội dung tố cáo; lôi kéo, kích động, dụ dỗ người khác tố cáo sai sự thật.

- Hình thức kỷ luật cảnh cáo áp dụng đối với người tố cáo khi có một trong các hành vi sau: Đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức khiển trách theo quy định ở mục 1 mà tái phạm; cưỡng ép, mua chuộc người khác tố cáo sai sự thật; sử dụng họ tên của người khác để tố cáo trừ trường hợp quy định tại điểm b mục 3 ở dưới.

- Hình thức kỷ luật cách chức áp dụng đối với người tố cáo giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý khi có một trong các hành vi sau: Đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo theo quy định tại mục 2 ở trên mà tái phạm; sử dụng họ tên của

người khác để tố cáo làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc gây mất đoàn kết nội bộ.

- Hình thức kỷ luật buộc thôi việc hoặc bãi nhiệm áp dụng đối với người tố cáo khi có một trong các hành vi sau: Đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức cách chức đối với người tố cáo giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý hoặc cảnh cáo đối với người tố cáo không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý mà tái phạm; lợi dụng quyền tố cáo để tuyên truyền chống Nhà nước, xâm phạm lợi ích của Nhà nước; gây rối an ninh, trật tự công cộng; lợi dụng việc tố cáo để xuyên tạc sự thật, vu khống, tố cáo bịa đặt, đả kích, chia rẽ bè phái, gây mất đoàn kết nội bộ, tố cáo nhiều lần có dụng ý xấu.

4. Nghị định số 197/2026/NĐ-CP:

Nghị định này thay thế Nghị định số 55/2022/NĐ-CP ngày 23/8/2022 của Chính phủ quy định cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, cụ thể:

4.1. Về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng: Nghị định quy định về xây dựng, cập nhật, quản lý, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo (*sau đây gọi tắt là Cơ sở dữ liệu*); tổ chức cập nhật, xử lý, khai thác, sử dụng dữ liệu liên quan đến tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo trên môi trường số; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. Áp dụng đối với các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

4.2. Về dữ liệu cập nhật: Tại Điều 5, Nghị định số 197/2026/NĐ-CP quy định các dữ liệu sau đây phải được cập nhật trong Cơ sở dữ liệu:

- Dữ liệu về tiếp công dân, xử lý đơn;
- Dữ liệu về khiếu nại và giải quyết khiếu nại;
- Dữ liệu về tố cáo và giải quyết tố cáo;
- Dữ liệu về kiến nghị, phản ánh và kết quả xử lý;
- Các dữ liệu khác phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật.

4.3. Nguồn dữ liệu cập nhật: Tại Điều 6, quy định nguồn dữ liệu cập nhật vào Cơ sở dữ liệu kể từ ngày Cơ sở dữ liệu được đưa vào vận hành chính thức, gồm:

- Dữ liệu phát sinh trực tiếp từ việc tiếp công dân, xử lý đơn;
- Vụ việc khiếu nại có thông báo thụ lý khiếu nại;
- Vụ việc tố cáo có quyết định thụ lý giải quyết tố cáo.

4.4. Về thời điểm nhập dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu: Theo Điều 7, Nghị định số 197/2026/NĐ-CP, quy định: Cơ quan, người có thẩm quyền có trách nhiệm cập nhật dữ liệu ngay từ thời điểm tiếp nhận khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh và

tiếp tục cập nhật đầy đủ, kịp thời trong suốt quá trình tiếp công dân, xử lý đơn, thụ lý, giải quyết và công khai kết quả. Việc cập nhật dữ liệu phải bảo đảm liên tục, đồng bộ, phản ánh đúng trạng thái xử lý vụ việc theo từng thời điểm. Trường hợp không cập nhật hoặc chậm cập nhật sẽ bị xử lý trách nhiệm tùy theo mức độ vi phạm.

4.5. Về cập nhật bổ sung, điều chỉnh dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu: Theo Điều 8, Nghị định số 197/2026/NĐ-CP, quy định: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện thông tin trong Cơ sở dữ liệu chưa đầy đủ, chính xác hoặc có sự sai lệch về nội dung giữa dữ liệu điện tử và hồ sơ, tài liệu nghiệp vụ bằng giấy thì cơ quan, tổ chức, cá nhân cập nhật dữ liệu phải tiến hành kiểm tra, cập nhật bổ sung, điều chỉnh; chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ của dữ liệu do mình cung cấp, cập nhật.

Ngoài ra, Nghị định số 197/2026/NĐ-CP quy định quy trình, các bước tiếp nhận và xử lý vụ việc trên cơ sở dữ liệu, cho phép người dân và các tổ chức liên quan theo dõi, tra cứu tiến độ xử lý và giải quyết đơn thư của mình trực tuyến thông qua mã định danh vụ việc. Hỗ trợ phát hiện các đơn thư có nội dung trùng lặp, hỗ trợ việc phân loại, chuyển đơn và xử lý chính xác hơn. Quy định trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc xây dựng, quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu...

Nhận được văn bản này, yêu cầu Trưởng các phòng, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở nghiêm túc triển khai. Giao Văn phòng sở chủ trì, phối hợp các phòng, đơn vị tham mưu thực hiện các nội dung theo quy định (*gửi kèm toàn văn Nghị định số 154/2026/NĐ-CP, Nghị định số 155/2026/NĐ-CP, Nghị định số 156/2026/NĐ-CP, Nghị định số 197/2026/NĐ-CP của Chính phủ*)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Trang TTĐT Sở;
- Lưu: VT, VP(Hoài).

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lưu Hồng Phương